TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:88/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Huấn
2. Ông Đỗ Văn Hòa

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thái - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 647/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn T, xã T1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Thái Q, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn T, xã T1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2002 bà T và ông Q kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố P. Thời gian đầu hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng và thiếu quan tâm đến nhau. Từ đầu năm 2019 bà đã bỏ về nhà cha, mẹ ở để sống riêng vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q vì tình cảm không còn nữa.

Về con vợ chồng có 3 con là Đỗ Vàng T2 – sinh năm 1995, Đỗ Thị Mộng T3 – sinh năm 1997, Đỗ Thị Mộng T4 – sinh năm 1999. Hiện các con đều trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2019 và phiên hòa giải, bị đơn ông Đỗ Thái Q trình bày: Quá trình đăng ký kết hôn và chung sống thì như nguyên đơn trình bày. Ông Q cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là không có gì trầm trọng. Việc bà T cho rằng ông thiếu quan tâm đến gia đình là đúng vì ông đi làm có nhiêu thì đưa cho bà T bấy nhiêu vì thu nhập ít. Tuy hiện nay ông Q, bà T không còn chung sống với nhau nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà T vì ông vẫn còn thương bà T. Nếu bà T muốn ly hôn, muốn sống riêng là tùy bà T quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn. Về con, các con đều trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông Đỗ Thái Q có nơi cư trú tại thôn T, xã T1, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

[2] Bị đơn là ông Đỗ Thái Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[3] Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2002 ngày 18/9/2002 của Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thì bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thái Q đăng kí kết hôn hợp pháp. Qua lời khai của các đương sự đã thể hiện thực tế cuộc sống hôn nhân của bà T, ông Q không còn hạnh phúc. Vợ chồng thiếu sự quan tâm đến nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Mặc dù ông Q không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà T nhưng ông vẫn thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, vợ chồng không chung sống với nhau. Tòa án đã hòa giải để các đương sự bỏ qua sự khác biệt để vì chung sống nhưng do mâu thuẫn quá trầm trọng, các bên đương sự không có biện pháp nào để giải quyết bất đồng nên việc hòa giải không thành. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà T, ông Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T được ly hôn ông Q.

[4] Về con, các con đều thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ** :

- khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

* **Tuyên xử**: chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đỗ Thái Q.

Về con:các con đều thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết

Về tài sản và nợ : các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ngày 09/10/2019 bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0028143 nay được chuyển sang án phí.

Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày, đối với bà Nguyễn Thị T tính từ ngày tuyên án (30/10/2019), đối với ông Đỗ Thái Q tính từ này nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Tp. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS Tp.Phan Thiết;*
- *Cổng TTĐT TAND tối cao*
- *UBND xã T1*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đãký
Nguyễn Lê Phương